|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:  /2025/NĐ-CP  **Dự thảo 2**  *(Ngày 14/7/2025)* | *Hà Nội, ngày  tháng   năm 2025* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác**

**tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Việc quản lý, sử dụng, khai thác và chế độ báo cáo đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này do đối tượng khác (ngoài các đối tượng được giao tài sản quy định tại Nghị định này) quản lý, tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng (gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng y tế; tài sản kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo; tài sản kết cấu hạ tầng cung cấp điện; tài sản kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao và du lịch là bảo tàng, nhà hát, rạp chiếu phim, trung tâm văn hoá, trung tâm triển lãm; tài sản kết cấu hạ tầng khí tượng thủy văn; tài sản kết cấu hạ tầng thông tin về khoa học công nghệ; tài sản kết cấu hạ tầng thông tin) giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Việc quản lý, sử dụng và khai thác các tài sản này được thực hiện theo chế độ về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ, tài sản kết cấu hạ tầng là cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý chợ và quy định tại Nghị định này.

4. Đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng còn lại (ngoài tài sản quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này) được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với loại tài sản kết cấu hạ tầng đó. Trường hợp Chính phủ chưa ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, đồng thời pháp luật chuyên ngành không có quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác đối với các tài sản này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản tại cơ quan nhà nước (đối với tài sản giao cho cơ quan nhà nước quản lý), tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với tài sản giao cho tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý) quy định tại [Luật Quản lý, sử dụng tài sản công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-Quan-ly-su-dung-tai-san-cong-2017-322220.aspx" \t "_blank) và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng ở trung ương là cơ quan, tổ chức trực thuộc các Bộ chuyên ngành, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành hạ tầng trong phạm vi cả nước.

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về hạ tầng.

c) Cơ quan quản lý hạ tầng cấp xã là Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, đặc khu[[1]](#footnote-2) (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng ở trung ương và địa phương theo quy định tại Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công[[2]](#footnote-3), gồm:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản).

a1) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, gồm:

a2) Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

a3) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã là cơ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng quản lý, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi là đơn vị quản lý tài sản), gồm:

b1) Đơn vị quản lý tài sản ở trung ương.

b2) Đơn vị quản lý tài sản ở địa phương.

c) Doanh nghiệp do Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu tài sản kết cấu hạ tầng; doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản).

d) Đối tượng khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền thu phí, thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và các phương thức chuyển giao quyền khai thác khác đối với tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật.

5. Đối tượng khác thực hiện kế toán, quản lý, lưu trữ hồ sơ, bảo trì, báo cáo kê khai, đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng và các nội dung khác theo phân cấp, ủy quyền, giao của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này.

6. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng là tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình kết cấu hạ tầng xã hội và vùng đất, vùng nước, vùng biển gắn với công trình kết cấu hạ tầng, bao gồm: hạ tầng giao thông, hạ tầng cung cấp điện, hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung[[3]](#footnote-4), hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin, hạ tầng giáo dục và đào tạo, hạ tầng khoa học và công nghệ, hạ tầng y tế, hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch và hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trung ương quản lý là tài sản do trung ương đầu tư, quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc địa phương quản lý là tài sản do địa phương đầu tư, quản lý.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến an ninh quốc gia là tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ các công trình quốc phòng và khu quân sự.

6. Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng để thực hiện việc giao, khai thác và xử lý quy định tại Nghị định này là các chỉ tiêu, thông số cơ bản theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Bộ quản lý chuyên ngành là cơ quan quản lý nhà nước về hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

8. Pháp luật chuyên ngành về tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Nghị định này là các quy định của pháp luật do các Bộ chuyên ngành ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để quy định riêng cho loại hạ tầng đó.

9. Đối tượng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, theo đó đối tượng quản lý tài sản tổ chức khai thác tài sản được giao quản lý thông qua việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

10. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng là việc Nhà nước (thông qua đối tượng được giao quản lý tài sản) chuyển giao quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cho tổ chức, cá nhân thực hiện trong một thời gian nhất định theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

11. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là việc Nhà nước (thông qua đối tượng được giao quản lý tài sản) chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cho tổ chức, cá nhân theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức, cá nhân nhận thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

12. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là việc Nhà nước (thông qua đối tượng được giao quản lý tài sản) chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho tổ chức theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

13. Giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước là việc Nhà nước quyết định giao tài sản, một phần tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng mà doanh nghiệp đang quản lý tài sản, một phần tài sản phù hợp với quy định của pháp luật và doanh nghiệp thực hiện hoàn trả giá trị tài sản, phần tài sản cho Nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

14. Doanh nghiệp đang quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng là các doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này và các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp được nhà nước giao quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành, pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng được thống kê, kế toán kịp thời, đầy đủ về hiện vật, giá trị; được tính hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng. Trường hợp xử lý, khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại, không làm ảnh hưởng tới tính liên tục, chất lượng của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của tài sản kết cấu hạ tầng.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về thẩm quyền, trình tự thủ tục giao quản lý, xử lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản) so với quy định tại Nghị định này thì thực hiện như sau:

a) Việc giao quản lý tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Việc xử lý tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Việc khai thác tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành chỉ quy định đầy đủ một trong 03 nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản này, thì thực hiện các nội dung còn lại (chưa được quy định) theo quy định tại Nghị định này.

4. Khi thực hiện giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý tài sản, đơn vị quản lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định tại hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản.

5. Trường hợp thực hiện xử lý, khai thác kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác có liên quan thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đó và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm để khắc phục.

6. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

7. Việc quản lý, sử dụng đối với đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất gắn với tài sản, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc sử dụng quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5. Tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Nghị định này là kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng đó và vùng đất, vùng nước (nếu có) gắn với kết cấu hạ tầng, gồm các loại tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này, gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, công nghệ số, khu công nghệ số tập trung, khu chế xuất, khu kinh tế[[4]](#footnote-5).

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, điểm du lịch, khu du lịch, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, làng văn hoá[[5]](#footnote-6).

c) Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật chung[[6]](#footnote-7).

d) Tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều, hệ thống trực canh quản lý đa thiên tai, đa mục tiêu.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng (trong các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; cung cấp điện; văn hoá, thể thao và du lịch là bảo tàng, nhà hát, rạp chiếu phim, trung tâm văn hoá, trung tâm triển lãm; khí tượng thủy văn; thông tin về khoa học công nghệ; thông tin) không thuộc trường hợp giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp theo chế độ về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quy định cụ thể loại tài sản, danh mục tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này do Bộ quản lý chuyên ngành quyết định, công bố và điều chỉnh.

**Điều 6. Nguồn tài sản kết cấu hạ tầng để giao cho đối tượng được giao quản lý tài sản**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho đối tượng quản lý tài sản được quy định tại Nghị định này.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho đối tượng quản lý tài sản được quy định tại Nghị định này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng do các đối tượng không phải là đối tượng quản lý tài sản được quy định tại Nghị định này, mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản cho đối tượng được giao quản lý tài sản quy định tại Nghị định này.

**Điều 7. Nguyên tắc giao tài sản kết cấu hạ tầng cho đối tượng quản lý tài sản**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cho đối tượng quản lý như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trung ương quản lý được giao cho đối tượng quản lý tài sản ở/tại trung ương.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc địa phương quản lý được giao cho đối tượng quản lý tài sản ở/tại địa phương.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng giao cho đối tượng quản lý tài sản theo các hình thức sau:

a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức tăng tài sản.

b) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức tăng tài sản.

c) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức đầu tư vốn (tính thành phần vốn) nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo phù hợp với lĩnh vực nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

d) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan, đảm bảo tính liên thông, kết nối hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng.

đ) Giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước là việc Nhà nước quyết định giao tài sản, một phần tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Điều 39 Nghị định này.

**Chương II**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO CHO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**Mục 1**

**GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 8. Phạm vi và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định này như sau:

a) Cơ quan quản lý tài sản, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trung ương quản lý.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc địa phương quản lý.

2. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hình thức ghi tăng tài sản.

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được giao theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

Trường hợp cơ quan quản lý tài sản ở trung ương phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh) thực hiện kế toán, quản lý hồ sơ, lưu trữ hồ sơ, bảo trì, kê khai, đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng và các nội dung khác (nếu có) thì phải được Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) đồng ý bằng văn bản và phải có văn bản của cơ quan quản lý tài sản quy định rõ nội dung phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao và quy trình nội bộ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này.

3. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này quản lý.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư, chủ dự án, ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng (cơ quan, đơn vị quản lý tài sản); không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì đối tượng thụ hưởng thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng do các đối tượng không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản sang Bộ, cơ quan trung ương hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản quy định tại Nghị định này để quyết định và thực hiện điều chuyển tài sản.

7. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định giao tài sản kết cấu hạ tầng cho đối tượng khác (ngoài đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 Nghị định này) thì việc giao tài sản, việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp pháp luật chuyên ngành chưa có quy định hoặc quy định chưa đầy đủ về việc giao tài sản, việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 9. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng ở địa phương cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

**Điều 10. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng tạm giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này) quản lý.

2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý hạ tầng ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này, báo cáo Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý hạ tầng ở trung ương, cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản: bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản về việc giao tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao; nguyên giá (nếu có), giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản do cơ quan quản lý hạ tầng ở trung ương, cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh lập: bản chính.

Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản: bản chính.

b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản chính;

c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ quy định tại điểm khoản 2 Điều này: bản sao.

4. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao; nguyên giá (nếu có), giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản.

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

6. Kinh phí tổ chức thực hiện việc rà soát, thống kê, phân loại và giao quản lý tài sản được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Mục 2**

**HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN, NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, TÍNH HAO MÒN, KHẤU HAO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 11. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; hồ sơ pháp lý về đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đối với trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền giao, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này.

c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

Trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ dự án (quyết định phê duyệt, điều chỉnh dự án, phê duyệt giá trị quyết toán dự án và hồ sơ khác có liên quan (nếu có)) cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan làm căn cứ để cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quản lý hồ sơ, kế toán tài sản.

**Điều 12. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng được quản lý là tài sản cố định phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định *của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật kế toán và pháp luật khác có liên quan.* ***(Ý kiến của Cục QLKT)***

3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng (hoặc kế toán tổng hợp trên cơ sở kế toán chi tiết của các tổ chức hành chính, đơn vị được phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao thực hiện công tác kế toán quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này) theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn, khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng được mua sắm, đầu tư xây dựng mới thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.

Trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư được quyết toán chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng, dự toán chi tiết, tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...).

Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên như sau: Giá trị thẩm tra quyết toán; giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Khi sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán, trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư theo thẩm định quyết toán, đề nghị quyết toán, theo Biên bản nghiệm thu A-B hoặc theo tổng mức đầu tư dự án, dự toán dự án là giá trị chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá tạm tính của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng, dự toán chi tiết, tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng).

Trong trường hợp này, khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (là chủ đầu tư thực hiện dự án) thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định. Trường hợp chủ đầu tư dự án không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, thì chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo thông tin cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản để thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng không có thông tin để xác định giá trị tài sản theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng cùng loại tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng cùng loại tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng cùng loại tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá quy ước do Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định để làm nguyên giá tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng cùng loại tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng cùng loại tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán và cũng chưa có giá quy ước hoặc không áp dụng được giá quy ước thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Chi phí xác định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng trong quá trình sử dụng thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.

e) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đặc thù theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thực tế không thể xác định được nguyên giá thì quy ước nguyên giá của tài sản đó là 01 đồng[[7]](#footnote-8); cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm hạch toán phần giá trị nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt

5. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng khi thực hiện kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.

d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

đ) Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

6. Giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Nguyên tắc quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng phải được tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Đơn vị quản lý tài sản là đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thì phải thực hiện trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý, *trừ trường hợp giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật không bao gồm chi phí khấu hao.*

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc đối tượng phải tính đủ khấu hao tài sản cố định vào giá dịch vụ theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện trích khấu hao.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quản lý ngoài các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì thực hiện tính hao mòn.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đặc thù quản lý về mặt hiện vật và giá trị theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định; không thực hiện tính hao mòn, trích khấu hao.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng giao cho cơ quan, đơn vị quản lý quy định tại Điều 8 Nghị định này phải được lập hồ sơ tài sản để quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. Các chỉ tiêu về nguyên giá, hao mòn, khấu hao, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng xác định là tài sản cố định là số nguyên; trường hợp kết quả xác định các chỉ tiêu này là số thập phân thì được làm tròn theo quy định tại pháp luật về kế toán.

3. Mỗi một tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 8 Nghị định này là một đối tượng ghi sổ kế toán. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng phải phản ánh, ghi chép đầy đủ thông tin về nguyên giá, hao mòn, khấu hao, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn theo quy định thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và tính hao mòn cho đến khi được xử lý theo quy định.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và không phải tính hao mòn, trích khấu hao.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng sau đó thuộc trường hợp phải thay đổi nguyên giá theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định này thì phải tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

6. Trường hợp chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn tài sản theo quy định trong thời gian chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản.

7. Trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hoặc phương thức khai thác khai theo quy định của pháp luật chuyên ngành mà phải chuyển giao quyền khai thác tài sản cho đối tượng khác, thì trong thời gian chuyển nhượng quyền khai thác/chuyển giao quyền khai thác tài sản, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (bên chuyển nhượng/chuyển giao):

a) Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b) Không thực hiện tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định và phải tiếp tụctheo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng trên sổ kế toán và theo dõitrên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/chuyển giao quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn), cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác/chuyển giao quyền khai thác tài sản và quy định của pháp luật; xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Nghị định số này, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì trong thời gian bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản:

a) Có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

b) Không thực hiện tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định và phải tiếp tụctheo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án và theo dõitrên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo quy định, xác định lại giá trị còn lại của tài sản theo quy định để thực hiện quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Nghị định này, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

9. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hằng năm; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê.

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định.

10. Phương án 1: Căn cứ các quy định tại Điều này, Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành quy định cụ thể việc quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao đối với loại tài sản kết cấu hạ tầng thuộc chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao.

Phương án 2: Căn cứ các quy định tại Điều này, các Bộ chuyên ngành có trách nhiệm đề xuất danh mục tài sản kết cấu hạ tầng và thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn, khấu hao gửi Bộ Tài chính để quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao của tài sản kết cấu hạ tầng.

11. Việc kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Mục 3**

**BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH THUỘC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ**

**QUẢN LÝ, VẬN HÀNH TÀI SẢN TRONG THỜI GIAN NÂNG CẤP,**

**CẢI TẠO, MỞ RỘNG**

**Điều 14. Bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng phải được bảo trì nhằm bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác tài sản.

2. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đối với trường hợp bố trí kinh phí bảo trì từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Việc tổ chức thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật khác có liên quan.

5. Trong quá trình bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì công trình thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

6. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng quyền thu phí, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, chuyển giao quyền khai thác cho đối tượng khác mà trong Hợp đồng quy định trách nhiệm của Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí, Bên nhận chuyển nhượng/chuyển giao quyền khai thác tài sản thực hiện bảo trì công trình thì Bên thuê, Bên Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí, Bên nhận chuyển nhượng/chuyển giao quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký bằng nguồn kinh phí của mình.

Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) trong trường hợp này do Bên nhận chuyển nhượng, Bên thuê quyền khai thác tài sản tự thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về việc bảo trì thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật khác có liên quan.

**Điều 15. Quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt**

1. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hiện có được đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hiện có) thì việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thì căn cứ dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư. Việc tạm bàn giao tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời gian tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng cho chủ đầu tư dự án, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản; chủ đầu tư có trách nhiệm bảo đảm việc hoạt động cung cấp dịch vụ bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong thời gian thực hiện đầu tư, trong đó, có trách nhiệm bảo trì công trình thuộc tài sản trong trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản; trong trường hợp này, không bố trí kinh phí bảo trì công trình thuộc tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án.

c) Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao lại tài sản và phần giá trị tăng thêm của tài sản do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp phần giá trị tăng thêm được hạch toán vào giá trị tài sản là kết quả của dự án.

**Mục 4. KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 16. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

b) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng.

c) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

d) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

đ) Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định phương thức khai thác (trong đó phương thức khai thác theo quy định của pháp luật chuyên ngành mà phải chuyển giao quyền khai thác tài sản cho đối tượng khác) mà khác với các phương thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trường hợp áp dụng phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại các điểm b, c d và đ khoản 1 Điều này mà phải thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản thì chi phí thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ khai thác tài sản. Việc lựa chọn đơn vị thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

b) Tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

c) Tiền thu từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Trường hợp sử dụng tạm thời một phần tài sản kết cấu hạ tầng để tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, diễu hành, lễ hội hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng thì việc xây dựng, lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan; không phải lập, phê duyệt Đề án khai thác và thực hiện khai thác theo quy định tại Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cho phép xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại  Điều 22 Nghị định này.

5. Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; khai thác theo phương thức đầu tư theo hình thức hợp tác kinh doanh[[8]](#footnote-9), việc khai thác theo hình thức này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 17. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo phương thức cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác**

1. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp sau:

a) Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không thuộc phạm vi điểm a khoản này không phát sinh nguồn thu hoặc có phát sinh nguồn thu nhưng không thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan theo quy định sau đây:

**2.1.** Hạ tầng: cụm công nghiệp **(Bộ Công Thương)**; khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ số tập trung **(Bộ KH&CN)**; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế **(Bộ Tài chính – Cục Đầu tư nước ngoài)**.

2.1.1. TSKCHT khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

a) Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

a1) Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu chế xuất: Cho thuê/kinh doanh/nhượng quyền[[9]](#footnote-10) khai thác: Hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

a2) Hạ tầng khu công nghệ cao: Cho thuê/kinh doanh/nhượng quyền khai thác[[10]](#footnote-11):

(i) Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao bao gồm hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn giao thông, an ninh trật tự trong khu công nghệ cao và cơ sở hạ tầng thông tin.

(ii) Hệ thống công trình hạ tầng xã hội phục vụ hoạt động của khu công nghệ cao là hệ thống công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật xây dựng, bao gồm các công trình giáo dục, y tế, thể thao, văn hóa, cây xanh, công viên, thương mại, dịch vụ, dịch vụ lưu trú và khu nhà ở (nằm ngoài ranh giới khu công nghệ cao) phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghệ cao*.*

(iii) Cung cấp các dịch vụ cho các hoạt động công nghệ cao, cung cấp thiết bị dùng chung, cung cấp không gian làm việc, nghiên cứu, ươm tạo, thử nghiệm và trình diễn công nghệ để hỗ trợ các hoạt động công nghệ cao, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

(\*) Việc khai thác các hạng mục (nêu tại điểm a1 và điểm a2 nêu trên) có thể căn cứ theo nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện cho thuê/kinh doanh/nhượng quyền đồng bộ các hạng mục hoặc một trong các hạng mục nêu trên *(đề nghị các Bộ quản lý chuyên ngành có ý kiến về vấn đề này để làm rõ trường hợp cho thuê đồng bộ hoặc đơn lẻ từng hạng mục có phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật chuyên ngành và thực tiễn triển khai không).*

b) Các dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ cho chức năng, nhiệm vụ: Dịch vụ ăn uống, trông, giữ xe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, làm việc; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền, trạm sạc pin…

2.1.2. TSKCHT khu công nghệ thông tin tập trung:

a) Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

(i) Cho thuê/kinh doanh/nhượng quyền khai thác: Cung cấp hạ tầng, dịch vụ và các điều kiện cần thiết để các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu[[11]](#footnote-12); hoặc Xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật, cung cấp dịch vụ phục vụ các hoạt động trong khu công nghệ thông tin tập trung[[12]](#footnote-13)*.*

(ii) Cung cấp các dịch vụ cho các hoạt động công nghệ thông tin tập trung, cung cấp thiết bị dùng chung, cung cấp không gian làm việc, nghiên cứu, ươm tạo, thử nghiệm và trình diễn công nghệ để hỗ trợ các hoạt động, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

b) Các dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ cho chức năng, nhiệm vụ: Dịch vụ ăn uống, trông, giữ xe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, làm việc; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền, trạm sạc pin…

2.1.3. TSKCHT khu công nghệ số tập trung:

a) Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Các dịch vụ liên quan đến khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Các dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ cho chức năng, nhiệm vụ: Dịch vụ ăn uống, trông, giữ xe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, làm việc; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền, trạm sạc pin…

**2.2.** Hạ tầng thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, điểm du lịch, khu du lịch, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, làng văn hoá **(Bộ VHTTDL).**

a) Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

Cho thuê/kinh doanh/nhượng quyền khai thác các hạng mục thuộc hạ tầng thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, điểm du lịch, khu du lịch, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, làng văn hoá, như:

- Địa điểm để tổ chức các lễ hội, các buổi biểu diễn, trình diễn văn hóa nghệ thuật, các hội thi… hoặc các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Hoạt động tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích; Phát triển sản phẩm, dịch vụ và tạo điều kiện để cộng đồng trên địa bàn có di tích tham gia phát triển sản phẩm, dịch vụ liên quan đến di tích; Nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích; Hoạt động văn hóa ở di tích; tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích; Trưng bày, triển lãm lưu động bên ngoài phạm vi di tích[[13]](#footnote-14).

- Các Hoạt động dịch vụ của Bảo tàng theo quy định tại Điều 77 Luật Di sản văn hóa năm 2024.

- Các hoạt động khai thác theo quy định tại Điều 88 Luật Di sản văn hóa năm 2024.

b) Các dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ cho chức năng, nhiệm vụ: Dịch vụ ăn uống, trông, giữ xe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ về văn hóa, thể thao và du lịch theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; cơ sở vật chất phục vụ giới thiệu, quảng bá văn hóa, thể thao, du lịch; nhà lưu trú cho diễn viên, vận động viên; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền, trạm sạc pin…

**2.3.** Hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật chung **(Bộ Xây dựng).**

a) Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

Cho thuê/kinh doanh/nhượng quyền khai thác các hạng mục thuộc hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị để tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, diễu hành, lễ hội hoặc các hoạt động khác có sử dụng đến hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị; công trình hạ tầng kỹ thuật chung, công trình hạ tầng kỹ thuật chung;

b) Các dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ cho chức năng, nhiệm vụ: Dịch vụ ăn uống, trông, giữ xe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, làm việc; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền, trạm sạc pin…

**2.4.** Hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều, hệ thống trực canh quản lý đa thiên tai, đa mục tiêu **(Bộ NN&MT).**

a) Theo ý kiến của Bộ NN&MT (Cục Quản lý đề điều): Pháp luật đê điều không quy định về các dịch vụ phục vụ cho đê điều, đồng thời pháp luật đê điều quy định nghiêm cấm xây dựng các công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều, trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt[[14]](#footnote-15). Do đó, không quy định các dịch vụliên quan đến Hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.

b) Đối với Hệ thống trực canh quản lý đa thiên tai, đa mục tiêu, Bộ NN&MT (Cục Quản lý đề điều) báo cáo sẽ nghiên cứu thêm quy định của pháp luật chuyên ngành để có ý kiến cụ thể về vấn đề này.

**2.5.** Ngoài các dịch vụ quy định tại khoản này, căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước, Bộ quản lý chuyên ngành quy định dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

**(\*) Trên cơ sở dự kiến của Bộ Tài chính nêu trên, đề nghị** các Bộ quản lý chuyên ngành, địa phương khảo sát căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành và thực tiễn đang triển khai để có ý kiến cụ thể về nội dung trên (điều chỉnh, bổ sung, ý kiến khác…).

3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng:

a) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng theo hình thức giao khoán công việc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này hoặc trực tiếp tổ chức khai thác.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã thực hiện giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản sau đây cho tổ chức, đơn vị, cá nhân:

Vận hành tài sản;

Bảo trì tài sản;

Thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;

Các công việc khác có liên quan đến vận hành, khai thác tài sản.

c) Việc giao khoán vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại điểm b khoản này được thực hiện như sau:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quyết định công việc giao khoán, đơn giá giao khoán cho từng công việc trong quá trình vận hành, khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản này;

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã có trách nhiệm: Lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận khoán theo quy định của pháp luật đấu thầu; ký hợp đồng giao khoán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán kinh phí khoán theo hợp đồng đã ký kết.

d) Việc cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện giao khoán công việc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này không áp dụng đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương, cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh trực tiếp tổ chức khai thác.

4. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

**Điều 18. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định này.

2. Phạm vi tài sản được chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng là tài sản kết cấu hạ tầng hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng được thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

4. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được xác định phù hợp với từng tài sản hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành và được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã quản lý.

6. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, trình Bộ, cơ quan trung ương. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ, cơ quan trung ương xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

7. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này:

a) Đối với tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Đối với tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý:

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:

Cơ quan quản lý tài sản cấp xã lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại các điểm a, b và c khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

8. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản gồm:

a) Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền thu phí; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

c) Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

d) Phương thức thực hiện chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Đấu giá.

đ) Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

e) Hình thức thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

h) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ.

k) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý tài sản.

l) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

9. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tổ chức đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của [Luật Đấu giá tài sản](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-dau-gia-tai-san-2016-280115.aspx" \t "_blank).

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành được thực hiện dựa trên tiêu chí: Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc có Hợp đồng kinh tế/cam kết của bên thứ 3 về việc đủ các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành.

10. Ký hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (cơ quan, đơn vị quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (tổ chức, cá nhân trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền thu phí; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn chuyển nhượng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).

e) Số tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (theo giá trúng đấu giá).

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản:

**Phương án 1:** Do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành để quy định cụ thể đối vời từng trường hợp chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng.

**Phương án 2:** Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

**(Chọn phương án 1 do đặc thù của từng loại tài sản)**

h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng: Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

Trường hợp tại thời điểm chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản mà Bên nhận chuyển nhượng chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại quyền thu phí sử dụng tài sản cho Bên chuyển nhượng) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành nêu trên, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có tránh nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng quyền thu phí).

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản bàn giao quyền khai thác cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định hoặc Quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định hoặc Quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên chuyển nhượng có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này và Bên nhận chuyển nhượng để theo dõi, thực hiện thu nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên nhận chuyển nhượng phải thực hiện nếu Bên nhận chuyển nhượng vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí tài sản kết cấu hạ và phụ lục hợp đồng (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

p) Xử lý trường hợp trong thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đã ký kết và phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

11. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích bị xâm phạm.

d) Được thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

đ) Được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng bằng nguồn kinh phí của Bên nhận chuyển nhượng để phục vụ mục đích quản lý, khai thác, nếu được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này chấp thuận. Sau khi kết thúc hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản phải chuyển giao nguyên trạng tài sản bao gồm cả hạng mục công trình đã được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng (nếu có) lại Bên chuyển nhượng và không được bồi hoàn.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

12. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng (bao gồm cả đất gắn công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của tài sản; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (bao gồm cả khoản tiền nộp bổ sung theo quy định tại điểm l khoản 10 Điều này) đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên nhận chuyển nhượng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định hoặc Quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định, gửi Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; cùng Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản giải quyết các vướng mắc phát sinh.

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí và các trường hợp quy định tại khoản 17, khoản 18 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng.

i) Các nghĩa vụ khác theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

13. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

14. Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

15. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền thu phí sử dụng tài sản cho Bên chuyển nhượng kể từ ngày kết thúc thời hạn theo hợp đồng hoặc kết thúc thời hạn kéo dài của hợp đồng quy định tại khoản 18 Điều này (nếu có), kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng.

b) Phối hợp với Bên chuyển nhượng thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có).

d) Phối hợp với Bên chuyển nhượng thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có), hoàn thành việc thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (bao gồm cả tiền nộp bổ sung (nếu có) quy định tại điểm 1 khoản 10 Điều này) và Bên nhận chuyển nhượng có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác theo quy định của pháp luật về dân sự.

đ) Thông báo cho tổ chức tín dụng nơi ký quỹ việc xử lý tiền ký quỹ theo quy định tại điểm h khoản 10 Điều này.

16. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng, Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên nhận chuyển nhượng phải chuyển giao lại quyền thu phí theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì công trình thuộc tài sản kể từ thời điểm Bên nhận chuyển nhượng chuyển giao lại quyền thu phí sử dụng tài sản theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên nhận chuyển nhượng phải sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

17. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên nhận chuyển nhượng được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền chuyển nhượng quyền thu phí đã nộp cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 10 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng để hoàn trả và trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

18. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

19. Trường hợp trong thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan. Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí đã nộp theo hợp đồng do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản quy định tại khoản 5 Điều này quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản để hoàn trả và trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

**Điều 19. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định này.

2. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng được cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hiện có.

3. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

4. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được xác định phù hợp với từng tài sản hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng và được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này được thực hiện tương tự quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 18 Nghị định này. Riêng Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

c) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

đ) Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (trả tiền hằng năm hoặc trả tiền một lần cho cả thời gian thuê).

g) Thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

h) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hạ tầng.

k) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

l) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản là tổng số tiền thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 21 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn thuê quyền khai thác.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành được thực hiện dựa trên tiêu chí: Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc có Hợp đồng kinh tế/cam kết của bên thứ 3 về việc đủ các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành.

9. Ký hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (cơ quan, đơn vị quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức, cá nhân trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền thu phí; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Tiền thuê phải trả.

g) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản. cụ thể: cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành để quy định cụ thể hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với từng trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

**(Dự thảo phương án như lựa chọn Pa1 tại Điều 18)**

h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng: Mức tiền ký quỹ do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê mà Bên thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao tài sản cho Bên cho thuê) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành nêu trên, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có tránh nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên cho thuê bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với tổ chức) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc Quyết toán thuế thu nhập cá nhân được quyết toán (đối với cá nhân) theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê quyền khai thác tài sản căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với tổ chức) hoặc Báo cáo quyết toán đã được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc Quyết toán thuế thu nhập cá nhân (đối với cá nhân) được quyết toán để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên cho thuê có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này và Bên thuê để theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên thuê quyền khai thác phải thực hiện nếu Bên thuê quyền khai thác vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ và phụ lục hợp đồng (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

10. Quyền của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và hợp đồng đã ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

đ) Được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản nhận thuê quyền khai thác bằng nguồn kinh phí của Bên thuê để phục vụ mục đích quản lý, khai thác, nếu được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này chấp thuận. Sau khi kết thúc hợp đồng, Bên thuê phải chuyển giao nguyên trạng tài sản bao gồm cả hạng mục công trình đã được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng (nếu có) lại Bên cho thuê và không được bồi hoàn.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

11. Nghĩa vụ của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bảo vệ tài sản nhận thuê quyền khai thác (bao gồm cả đất, mặt nước gắn công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên cho thuê để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của tài sản; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp bằng tài sản hoặc sử dụng tài sản để thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản (bao gồm cả khoản tiền nộp bổ sung (nếu có) theo quy định tại điểm l khoản 9 Điều này) đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên thuê quyền khai thác tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức nộp phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc khai thác tài sản nhận thuê quyền khai thác kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định, gửi Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản; cùng Bên cho thuê quyền khai thác tài sản giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê quyền khai thác tài sản và các trường hợp quy định tại khoản 16, khoản 17 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường của tài sản.

i) Các nghĩa vụ khác theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

12. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan quản lý hạ tầng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

13. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

14. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê kể từ ngày kết thúc thời hạn theo hợp đồng hoặc kết thúc thời hạn kéo dài của hợp đồng quy định tại khoản 18 Điều này (nếu có), kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

b) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản phải được lập thành biên bản.

c) Khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản.

d) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản, hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản (bao gồm cả khoản tiền nộp bổ sung (nếu có) quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều này) và Bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 9 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

15. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng, Bên cho thuê có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên nhận thuê phải khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

16. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 9 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

17. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

18. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hằng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều này quyết định; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

**Điều 20. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

2. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hiện có đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản.

3. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản kết cấu hạ tầng không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.

4. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được xác định cụ thể trong từng hợp đồng chuyển nhượng, phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này được thực hiện tương tự quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 17 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

e) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

g) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hạ tầng.

i) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lý tài sản.

k) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

l) Tổ chức thực hiện.

8. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Tổ chức tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành được thực hiện dựa trên các tiêu chí sau:

Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc có Hợp đồng kinh tế/cam kết của bên thứ 3 về việc đủ các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của tổ chức tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

9. Ký hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (cơ quan, đơn vị quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Giá trị hợp đồng (theo giá trúng đấu giá).

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng (giá trị chuyển nhượng) có thời hạn quyền khai thác tài sản, cụ thể: cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành để quy định cụ thể hình thức thanh toán tiền chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đối với từng trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng: Mức tiền ký quỹ do Bên nhận chuyển nhượng gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng mà Bên nhận chuyển nhượng chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao tài sản cho Bên chuyển nhượng) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành nêu trên, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có tránh nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng bàn giao quyền khai thác cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (theo Báo cáo tài chính (đối với tổ chức) đã được kiểm toán hoặc Báo cáo quyết toán đã được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính (đối với tổ chức) đã được kiểm toán hoặc Báo cáo quyết toán đã được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên chuyển nhượng có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này và Bên nhận chuyển nhượng để theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên nhận chuyển nhượng phải thực hiện nếu Bên nhận chuyển nhượng vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản.

10. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

đ) Được thế chấp tài sản do Bên nhận chuyển nhượng đầu tư và quyền khai thác tài sản của thời gian còn lại cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

e) Được thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

11. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (bao gồm cả đất, mặt nước gắn với công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép công trình và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp bằng tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

c) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 11 Điều 18 Nghị định này.

12. Cơ quan quản lý tài sản, cơ quan quản lý hạ tầng thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

13. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

14. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng:

a) Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 18 Nghị định này.

b) Bên chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 18 Nghị định này.

15. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Căn cứ tiến độ đầu tư dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực tế công trình hoàn thành, giá trị chuyển nhượng quyền khai thác đã nộp cho thời gian còn lại theo hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền chuyển nhượng quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 9 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều này quyết định; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều này.

16. Việc xử lý vi phạm Hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều này.

**Điều 21. Giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là khoản tiền tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thu phí, tổ chức, cá nhân thuê quyền khai thác, tổ chức nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo hợp đồng ký kết.

2. Giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Giá khởi điểm để đấu giá được xác định theo quy định của pháp luật về giá, quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 5 Điều 17, khoản 5 Điều 18, khoản 5 Điều 19 Nghị định này là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.

3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có).

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Giá trị đầu tư bổ sung theo dự án nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó, giá trị đầu tư bổ sung là phần giá trị do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

a) Cơ quan quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam hoặc thành lập Hội đồng xác định giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Thành phần Hội đồng xác định giá gồm: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quản lý tài sản; đại diện cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, cơ quan trung ương do Bộ, cơ quan trung ương chỉ định (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý); đại diện Sở Tài chính (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); đại diện các cơ quan khác (nếu có).

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định giá khởi điểm chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, lập 01 bộ hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá: bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này: bản sao.

c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hằng năm, doanh thu bình quân một năm trong phương án giá khởi điểm để làm căn cứ xác định số tiền phải nộp hằng năm (đối với trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hằng năm), doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm l khoản 10 Điều 17, điểm l khoản 9 Điều 18 và điểm l khoản 9 Điều 19 Nghị định này.

6. Trường hợp đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan quản lý tài sản rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này. Trường hợp thay đổi phương thức khai thác sang phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản thì việc lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện việc khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

7. Căn cứ các quy định tại Nghị định này, trường hợp trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc cần hướng dẫn cụ thể, Bộ chuyên ngành (đối với tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý nhà nước) có hướng dẫn để tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng tương ứng.

**Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Trường hợp cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15, Điều 16 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

b) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định này (bao gồm cả số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng) được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), *sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.*

b) Nội dung chi:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

d) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại các Điều 19, 20 và 21 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ các khoản chi phí tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại các Điều 19, 20 và 21 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước(ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý, ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

**Mục 5. XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 23. Các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Thu hồi.

2. Điều chuyển.

3. Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

4. Bán.

5. Thanh lý tài sản.

6. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

7. Xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

8. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 24. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;

b) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;

c) Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;

d) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan quản lý tài sản cùng cấp quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng sau khi thu hồi được xử lý theo các hình thức sau:

a) Giao đối tượng quản lý quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này;

b) Điều chuyển theo quy định tại Điều 23 Nghị định này;

c) Bán theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc thu hồi tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng gồm: Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan, đơn vị có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đối với trường hợp thu hồi theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.

**Điều 25. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện giữa các đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý.

b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác. Trường hợp phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thì phải đảm bảo nguyên tắc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã, cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản thuộc thẩm quyền quyết định Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lập 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản điều chuyển.

**Điều 26. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý**

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý được áp dụng đối với tài sản mà đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này không còn nhu cầu sử dụng, cụ thể các trường hợp sau:

a) Tài sản đã được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng.

b) Bị loại ra khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng.

3. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc chuyển giao tài sản: bàn chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với các trường hợp còn lại), cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp tài sản thuộc trung ương quản lý; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điềm b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất, không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản kết cầu hạ tầng gắn liền với đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định hình thức xử lý tài sản gắn liền với đất theo một trong 2 hình thức: bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi thực hiện việc giao đất, cho thuê đất.

d1) Trường hợp xử lý tài sản gắn liền với đất theo hình thức bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản và thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm cơ sở quyết định giá bán tài sản. Giá trị tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, được công khai đưa vào hồ sơ mời thầu (trong trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất), đưa vào thông báo đấu giá đất (trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất), thông báo cho người được giao đất, cho thuê đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất (trong trường hợp không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất) để người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô thì giá trị công trình gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô theo tỷ lệ diện tích của từng lô trên tổng diện tích của tất cả các lô.

d2) Trường hợp xử lý tài sản gắn liền với đất theo hình thứcphá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong Phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất biết.

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.

g) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản.

**Điều 27. Bán tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng được bán theo quy định tại Điều 90 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản bị thu hồi theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

b) Chuyển mục đích sử dụng đất gắn với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng theo quy hoạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng không được áp dụng hình thức bán:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản được xếp hạng/công nhận cấp quốc gia đặc biệt/cấp quốc gia.

c) Tài sản thuộc trường hợp không được bán theo quy định của pháp luật về hạ tầng, gồm:

**Bộ Tài chính dự kiến 02 Phương án[[15]](#footnote-16):**

**Phương án 1:** Đề nghị Bộ quản lý chuyên ngành căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng loại TSKCHT có ý kiến cụ thể về loại TSKCHT không được thực hiện bán/điều kiện để bán TSKCHT, trên cơ sở đó Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Chính phủ quy định vào Nghị định.

**Phương án 2:** Quy định về nguyên tắc bán theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, giao các Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm quy định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quy định về các trường hợp được thực hiện bán TSKCHT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và đặc thù của TSKCHT.

Lựa chọn của Bộ Tài chính: **Chọn phương án 2.** Lý do: Đây là Nghị định quy định chung cho nhiều loại TSKCHT; do đó, nếu quy định tất cả các trường hợp không được bán và điều kiện bán vào Nghị định này (như Phương án 1) thì sẽ không đảm bảo được tính khả thi trong quá trình triển khai vì đối với từng lĩnh vực TSKCHT sẽ có những đặc thù riêng về các điều kiện quản lý, sử dụng, khai thác và thay đổi theo yêu cầu của thực tiễn. Do đó, giao cho các Bộ quản lý chuyên ngành chủ động căn cứ vào thực trạng quản lý, thực tiễn và yêu cầu Đảng và Nhà nước để quy định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định để đảm bảo hiệu quả, phù hợp.

**(\*) Đề nghị các bộ quản lý ngành** cho ý kiến về căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng không được thực hiện bán/điều kiện để bán tài sản, trên cơ sở đó Bộ Tài chính sẽ xem xét để lựa chọn phương án trình Chính phủ.

3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15).

4. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo hình thức đấu giá theo quy định của pháp luật.

5. Trình tự, thủ tục bán tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng cần bán, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị bán tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã, cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản thuộc thẩm quyền quyết định Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lập 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển; diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

**Điều 28. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng được thanh lý trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng không sử dụng được theo công năng của tài sản;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thanh lý tài sản trong trường hợp việc thanh lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành 1 kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý; nguyên giá (nếu có), giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi, Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ công trình:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được.

b) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được. Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và rà ngoài phạm vi của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan có vật liệu, vật tư điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng:

Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số [151/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-151-2017-nd-cp-huong-dan-luat-quan-ly-su-dung-tai-san-cong-354145.aspx" \o "Nghị định 151/2017/NĐ-CP" \t "_blank) ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số [114/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-114-2024-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-151-2017-nd-cp-huong-dan-luat-quan-ly-su-dung-tai-san-cong-527203.aspx" \o "Nghị định 114/2024/NĐ-CP" \t "_blank) ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [151/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-151-2017-nd-cp-huong-dan-luat-quan-ly-su-dung-tai-san-cong-354145.aspx) ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ).

9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; cơ quan quản lý tài sản không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 29. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: bản chính;

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị xử lý tài sản trong trường hợp việc xử lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định: bản chính;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại); lý do (nguyên nhân) bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật kế toán.

b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

c) Xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng để khôi phục hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại Điều 31 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 30. Xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao lại tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.**

1. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng mà tài sản đã giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này thì phải thực hiện thu hồi hoặc điều chuyển tài sản đó để giao cho doanh nghiệp.

2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản từ Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

4. Cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Việc xác định giá trị tài sản đầu tư bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp, quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng sau khi giao cho doanh nghiệp và chế độ báo cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 31. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) *sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.*

2. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán, trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời hạn gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm gửi hồ sơ, văn bản và tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, *người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản* có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng.

6. *Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước* (ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý, ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản khi:

a) Đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan quản lý tài sản.

b) Hoặc đã quá thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản không thực hiện đề nghị thanh toán chi phí hoặc đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán chi phí; hoặc quá thời hạn đề nghị gia hạn theo văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều này mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản không đề nghị thanh toán chi phí.

7. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

8. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước giao cho cơ quan quản lý tài sản.

**Mục 6.**

**SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỂ THAM GIA**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

**VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

**Điều 32. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư và việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng được hình thành thông qua việc đầu tư theo phương thức đối tác công tư cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư theo phương thức đối tác công tư không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tài sản và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý hạ tầng cấp xã quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên cơ quan có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho nhà đầu tư.

4. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này về việc sử dụng tài sản hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ký kết, cơ quan quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm kế toán, quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

6. Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền.

**Mục 7.**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU**

**VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 33. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng phải được báo cáo kê khai và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành;

Tài sản kết cấu hạ tầng phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản sau khi đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng. Trường hợp cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cơ quan quản lý hạ tầng cấp tỉnh) theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này thì các đơn vị được phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện lập báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển), xử lý tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, thông tin về tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm số tiền thu được từ xử lý, từ khai thác tài sản của năm trước) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hằng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập báo cáo, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), báo cáo Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp.

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Gửi qua Fax.

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

8. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Bộ trưởng các Bộ quản lý chuyên ngành ban hành.

**Điều 34. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

3. Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản kết cấu hạ thuộc địa phương quản lý) chỉ đạo cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương, địa phương và các cơ quan có liên quan thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định.

**Chương III**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC**

**TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO CHO DOANH NGHIỆP**

**Mục 1**

**GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 35. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hiện có được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức:

a) Giao không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Giao tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Bộ quản lý chuyên ngành[[16]](#footnote-17) quyết định và công bố loại tài sản, danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao theo hình thức không tính/tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức không tính/tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp quản lý kết cấu hạ tầng thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng đó là doanh nghiệp quản lý tài sản thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư, chủ dự án, ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng đó không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sangBộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao cho doanh nghiệp quản lý hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 48 Nghị định này để quyết định và thực hiện việc điều chuyển tài sản.

5. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đã được điều chuyển về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 4 Điều này để cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính/tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng sau khi giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này và tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 2, điểm a và điểm c khoản 3 Điều này được bàn giao, giao, điều chuyển cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản có nhu cầu được giao tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành, khả năng quản lý, khai thác tài sản của mình, doanh nghiệp quản lý tài sản xây dựng Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

**Điều 36. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 35 Nghị định này**

1.Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[[17]](#footnote-18) quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Trên cơ sở loại tài sản, danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ quản lý chuyên ngành quyết định và công bố quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này, căn cứ vào hồ sơ kế toán, hồ sơ điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thực tế quản lý, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quản lý thì doanh nghiệp quản lý tài sản tiếp tục quản lý theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp quản lý tài sản đang quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng tạm giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đã giao, tạm giao cho đối tượng khác (không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng được điều chuyển về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 32 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý hạ tầng lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý hạ tầng về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản: 01 bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp quản lý tài sản được đề nghị giao quản lý tài sản: 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản) do cơ quan quản lý hạ tầng chủ trì lập: 01 bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao. Trường hợp không có hồ sơ pháp lý về tài sản hoặc có hồ sơ pháp lý về tài sản nhưng bị mất hoặc thất lạc, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản có văn bản xác nhận về tình trạng hồ sơ của tài sản và chịu trách nhiệm về việc xác nhận của mình trong trường hợp này: bản chính.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng.

b) Danh mục tài sản giao; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Hình thức giao tài sản: Không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

7. Kinh phí tổ chức thực hiện việc rà soát, thống kê, phân loại và giao quản lý tài sản được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 37. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 35 Nghị định này**

1.Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Việc rà soát, thống kê, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý hạ tầng lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ giao tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này. Riêng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản thì doanh nghiệp quản lý tài sản (đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định này), cơ quan quản lý hạ tầng (đối với trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 33 Nghị định này) xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì doanh nghiệp quản lý tài sản (đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 34 Nghị định này), cơ quan quản lý hạ tầng (đối với trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 34 Nghị định này)phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý hạ tầng thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản kết cấu hạ tầng. Chi phí thuê thẩm định giá được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý hạ tầng.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý hạ tầng trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản.

b) Hình thức giao tài sản: Tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Danh mục tài sản giao; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản: 01 bản chính.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 33 Nghị định này, việcbàn giao, tiếp nhận tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 33 Nghị định này; sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản là công ty cổ phần có vốn nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp làm tăng phần vốn nhà nước là giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và các quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Các quy định áp dụng cho doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không giao cho doanh nghiệp quản lý.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn với công trình, hạng mục công trình đó cho Nhà nước và các trường hợp khác phải thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý đất, tài sản sau khi thu hồithực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan**.**

d) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm đăng ký đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Chương III Nghị định này.

**Điều 38. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định này**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định này quyết định việc chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gửi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ trình gồm:

a) Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (kèm theo bản sao Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp): 01 bản chính.

b) Danh mục tài sản; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản): 01 bản chính.

c) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng tài sản): 01 bản sao.

d) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp việc chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ[[18]](#footnote-19) thì hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ do Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trên cơ sở hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản này.

3. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp quản lý tài sản:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm, tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì doanh nghiệp quản lý tài sản xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã được theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì doanh nghiệp quản lý tài sản phải xác định lại giá trị còn lại đến ngày lập hồ sơ theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này:

Doanh nghiệp quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật để thẩm định giá đối với tài sản kết cấu hạ tầng được đề xuất chuyển hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ danh mục và tình trạng tài sản dự kiến chuyển hình thức giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được tính vào chi phí của doanh nghiệp quản lý tài sản theo quy định tại Điều 46 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển hình thức giao tài sản chưa phù hợp.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp gồm:

a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản được chuyển hình thức giao tài sản.

b) Danh mục tài sản được chuyển hình thức giao tài sản; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng sử dụng của tài sản.

c) Giá trị tài sản tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.

7. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng sau khi chuyển từ hình thức giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và các quy định tại khoản 8 Điều 34 Nghị định này.

**Điều 39. Giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức hoàn trả tài sản cho Nhà nước quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định này**

1. Điều kiện giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước

Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước cho doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng là tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý hiện có trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và gắn liền (không tách rời) hoặc đan xen với tài sản kết cấu hạ tầng của doanh nghiệp đang quản lý hoặc doanh nghiệp đã đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng vào tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng này (sau đây gọi là đầu tư tăng thêm) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Doanh nghiệp đang quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng có chức năng quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo yêu cầu/quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan và có nhu cầu được giao tài sản, một phần tài sản có hoàn trả.

2. Phương thức hoàn trả tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng

a) Trường hợp doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì được lựa chọn giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì xác định giá trị đầu tư vốn theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước thì xác định giá trị hoàn trả, giá trị thanh toán theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

b) Trường hợp doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp không có vốn nhà nước thì được lựa chọn giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước thì xác định giá trị hoàn trả, giá trị thanh toán theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

3. Thẩm quyền giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo tầng theo hình thức hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước

4. Trình tự, thủ tục thực hiện việc giao tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp đang quản lý theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước

a) Doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị được giao tài sản, một phần tài sản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị được giao tài sản, một phần tài sản theo hình thức giao có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước (giải trình quá trình được giao hoặc tạm giao quản lý; thực trạng việc quản lý, sử dụng và lý do đề xuất giao theo hình thức có hoàn trả); với doanh nghiệp có vốn nhà nước có thêm ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc lựa chọn hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị): bản chính;

Danh mục tài sản, một phần tài sản đề nghị được giao tài sản, một phần tài sản có hoàn trả; nguyên giá (nếu có), giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản: bản chính.

Biên bản kiểm tra hiện trạng quản lý tài sản, trong đó có một phần tài sản; hồ sơ, tài liệu bàn giao, tạm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp: bản chính;

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đầu tư tăng thêm vào tài sản, một phần tài sản (như: văn bản, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, quyết toán) trong trường hợp doanh nghiệp có đầu tư tăng thêm vào tài sản: bản sao;

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong thời gian quản lý: bản sao;

Hồ sơ liên quan khác: bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến của ~~cơ quan tài chính cùng cấp và~~ cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về việc giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý theo hình thức giao tài sản, một phần tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án giao tài sản không phù hợp. Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

Tên doanh nghiệp được giao tài sản;

Hình thức giao: giao tài sản, một phần tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước;

Danh mục tài sản, một phần tài sản hoàn trả; giá trị, tình trạng tài sản; giá trị đầu tư tăng thêm (nếu có);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Căn cứ Quyết định giao tài sản, một phần tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xác định giá trị hoàn trả và giá trị thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều này; doanh nghiệp được giao tài sản tiếp tục vận hành công trình trong thời hạn thực hiện việc thanh toán, bàn giao công trình.

5. Xác định giá trị hoàn trả tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kêt cấu hạ tầng

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản kêt cấu hạ tầng được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm, tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản, một phần tài sản có hoàn trả thì giá trị tài sản, một phần tài sản làm căn cứ xác định giá trị hoàn trả là giá trị nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán tài sản của doanh nghiệp.

b) Trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này:

Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị tài sản, một phần tài sản (nguyên giá, giá trị còn lại) hoàn trả. Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản, một phần tài sản hoàn trả, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc kết quả của Hội đồng định giá, cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá trị hoàn trả tài sản, một phần tài sản (nguyên giá, giá trị còn lại). Giá trị hoàn trả này không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

6. Giá trị thanh toán xác định theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp giá trị tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản (trong đó có giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản, một phần tài sản) hoặc giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản, một phần tài sản đã được doanh nghiệp xác định, phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được cơ quan chức năng (kiểm toán hoặc thuế) xác nhận và trường hợp doanh nghiệp không có giá trị đầu tư tăng thêm thì số tiền doanh nghiệp phải thanh toán là giá trị hoàn trả tài sản, một phần tài sản được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Trường hợp giá trị tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản (trong đó có giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản, một phần tài sản) hoặc giá trị đầu tư tăng thêm chưa được doanh nghiệp phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được cơ quan chức năng (kiểm toán hoặc thuế) xác nhận thì số tiền doanh nghiệp phải thanh toán là giá trị hoàn trả được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy định tại khoản 5 Điều này trừ đi giá trị mà doanh nghiệp đã đầu tư tăng thêm vào tài sản nhưng tối đa không vượt giá trị hoàn trả được phê duyệt.

c) Doanh nghiệp đang quản lý tài sản có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản hoàn trả theo hợp đồng giao tài sản theo hình thức sau:

c1) Căn cứ vào giá trị hoàn trả tài sản kết cấu hạ tầng, một phần tài sản được duyệt được xác định tại điểm a, điểm b khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời hạn hoàn trả theo nguyên tắc sau:

Hoàn trả trong thời hạn 90 ngày đối với giá trị hoàn trả …

Hoàn trả trong thời hạn 01 năm đối với giá trị hoàn trả …

Hoàn trả trong thời hạn 03 năm đối với giá trị hoàn trả …

….

c2) Trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định tại Hợp đồng mà doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ giá trị hoàn trả thì phải nộp khoản tiền chậm nộp; mức tiền chậm nộp áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng và chứng từ về việc nộp tiền của doanh nghiệp được giao tài sản gửi Chi cục thuế để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Số tiền chậm nộp (nếu có) là khoản thu của ngân sách nhà nước.

d) Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công sau khi doanh nghiệp hoàn thành việc thanh toán tiền; trên hóa đơn ghi: thu tiền hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước.

đ) Doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.

e) Việc quản lý, sử dụng số tiền hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều ….. Nghị định này.

7. Trường hợp doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp có vốn nhà nước lựa chọn hình thức giao tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị nguuyên giá tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Trường hợp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng là công ty cổ phần có vốn nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị nguuyên giá tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều này được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng và doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng ký kết hợp đồng giao tài sản, một phần tài sản theo hình thức hoàn trả giá trị. Nội dung chủ yếu của hợp đồng:

a)Thông tin của bên giao tài sản (cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng);

b)Thông tin của bên nhận tài sản theo hình thức hoàn trả (doanh nghiệp được giao tài sản);

c) Danh mục tài sản, một phần tài sản hoàn trả; giá trị, tình trạng tài sản; giá trị đầu tư tăng thêm (nếu có);

d) Hình thức hoàn trả: Giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước

đ) Giá trị hoàn trả, giá trị đầu tư vốn

Giá trị hoàn trả, giá trị thanh toán theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này;

Giá trị đầu tư vốn theo quy định tại khoản 7 Điều này;

e) Quy định quyền và nghĩa vụ của các bên.

g) Các nội dung khác.

9. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc giao tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định này.

**Mục 2**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO CHO DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ THEO HÌNH THỨC KHÔNG TÍNH THÀNH PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**Mục 2.1**

**HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 40. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

2. Việc xác định đối tượng ghi sổ kế toán tài sản, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản trong việc kế toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng, nguyên tắc xác định nguyên giá, giá trị còn lại, việc điều chỉnh nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng, việc sử dụng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 11 Nghị định này.

3. Nguyên tắc quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

**Điều 41. Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng**

1. Hình thức, tổ chức quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

2. Kinh phí quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng do ngân sách nhà nước đảm bảo.

3. Tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện, kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng và các căn cứ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản kết cấu hạ tầng (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

Doanh nghiệp quản lý tài sản được thực hiện việc đấu thầu, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật; việc đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; việc đặt hàng thực hiện theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Việc sử dụng, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

4. Trong quá trình quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

5. Trường hợp chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng mà trong hợp đồng quy định trách nhiệm của Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, thuê quyền khai thác tài sản, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng (sau đây gọi là Bên nhận) thì Bên nhận có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết bằng nguồn kinh phí của mình.

Vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) phát sinh trong trường hợp này thuộc về Bên nhận khai thác tài sản.

**Điều 42. Quản lý, vận hành tài sản trong thời gian đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt**

Việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hiện có và việc quản lý, vận hành trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

**Mục 2.2**

**KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 43. Phương thức khai thác và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Phương thức khai thác:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản quy định tại khoản 8 Điều 3, Điều 40 Nghị định này.

b) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 9 Điều 3, Điều 41 Nghị định này.

c) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 10 Điều 3, Điều 42 Nghị định này.

d) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 11 Điều 3, Điều 43 Nghị định này.

2. Trường hợp cần thiết thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo phương thức (trong đó có phương thức chuyển giao quyền khai thác cho đối tượng khác theo quy định của pháp luật chuyển ngành) mà khác với các phương thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Nội dung chủ yếu của Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo Mẫu số 02Đ tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Sau khi Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

3. Trường hợp áp dụng phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này mà phải thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản thì chi phí thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản được tính vào chi phí của doanh nghiệp quản lý tài sản theo quy định tại Điều 45 Nghị định này. Việc lựa chọn đơn vị thuê tư vấn lập Đề án khai thác tài sản thực hiện theo quy định.

4. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

b) Tiền thu từ cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

c) Tiền thu từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, trường hợpxây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng thì việc xây dựng, lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan; không phải lập, phê duyệt Đề án khai thác và thực hiện khai thác theo quy định tại Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cho phép xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định này.

6.Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; không phải lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản và thực hiện việc khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 44. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản**

1. Doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản trong các trường hợp sau:

a) Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không thuộc phạm vi điểm a khoản này, không phát sinh nguồn thu hoặc có phát sinh nguồn thu nhưng không thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí, cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

2. Doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng cho các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này và theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan

***(Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến về việc vận hành, khai thác, cung cấp dịch vụ liên quan đến từng loại TSKCHT chuyên ngành).***

3. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

4. Doanh nghiệp quản lý tài sản được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản kết cấu hạ tầng bằng nguồn vốn của doanh nghiệp theo quy định để phục vụ mục đích quản lý, khai thác tài sản tốt hơn mà không làm ảnh hưởng đến hình thức giao quản lý tài sản, mục đích sử dụng của tài sản.

5. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

**Điều 45. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sảnđược thu phí sử dụng tài sản là tài sản kết cấu hạ tầng hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng được thu phí sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định này.

3. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản được xác định phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng theo Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt.

4. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp ở địa phương quản lý.

5. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản lập Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản gồm:

a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền thu phí; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

d) Phương thức thực hiện chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Đấu giá.

đ) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

e) Hình thức thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

g) Thời hạn thanh toán tiền thu phí sử dụng tài sản.

h) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thu phí sử dụng tài sản.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về hạ tầng.

k) Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý tài sản.

l) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản là tổng số tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành được thực hiện dựa trên tiêu chí: Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc có Hợp đồng kinh tế/cam kết của bên thứ 3 về việc đủ các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành.

8. Ký hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản phải trả.

g) Hình thức thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản. Trong đó, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

h) Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng) và việc xử lý số tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh trong trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản mà Bên nhận chuyển nhượng chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng) thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì kết cấu hạ tầng và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản thực hiện theo quy định tại điểm l khoản 8 Điều 19 Nghị định này.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản phải thực hiện nếu Bên nhận chuyển nhượng vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng.

p) Xử lý trường hợp trong thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản và phụ lục hợp đồng (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

9. Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản có các quyền quy định tại khoản 11 Điều 17 Nghị định này.

10. Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản có các nghĩa vụ quy định tại khoản 12 Điều 17 Nghị định này.

11. Cơ quan quản lý hạ tầng, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định này.

13. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 18 Nghị định này.

14. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng, Bên chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 18 Nghị định này.

15. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với kết cấu hạ tầng vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn; việc hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 7 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản…. Điều… Nghị định này.

16. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý về tiếp nhận quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, xử lý việc hoàn trả tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản đã thanh toán, tiền ký quỹ (nếu có) khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

17. Trường hợp trong thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Việc hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản đã trả theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hằng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định; trường hợp thực hiện hoàn trả thì số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý hạ tầng để thực hiện hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

**Điều 46. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42, khoản 1 Điều 43 Nghị định này.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng theo Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt.

3. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp ở địa phương quản lý.

4. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

đ) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (trả tiền thuê hằng năm hoặc trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê).

g) Thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

h) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về hạ tầng, cơ quan quản lý hạ tầng.

k) Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý tài sản hạ tầng.

l) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản là tổng số tiền thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành được thực hiện dựa trên tiêu chí: Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc có Hợp đồng kinh tế/cam kết của bên thứ 3 về việc đủ các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành.

7. Ký hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Tiền thuê phải trả.

g) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản. Trong đó, thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

h) Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng) và việc xử lý số tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh trong trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê) thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì kết cấu hạ tầng cho thuê và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên cho thuê bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thực hiện theo quy định tại điểm l khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên thuê phải thực hiện nếu Bên thuê vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác Tài sản kết cấu hạ tầng và phụ lục hợp đồng (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

8. Quyền của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được thu phí sử dụng hạ tầng, thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

đ) Được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản nhận thuê quyền khai thác bằng nguồn kinh phí của Bên thuê để phục vụ mục đích quản lý, khai thác, nếu được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này chấp thuận. Sau khi kết thúc hợp đồng (kể cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn), Bên thuê phải chuyển giao nguyên trạng tài sản bao gồm cả hạng mục công trình đã được cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng (nếu có) lại cho Bên cho thuê và không được bồi hoàn.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

9. Nghĩa vụ của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bảo vệ tài sản nhận thuê quyền khai thác (bao gồm cả đất gắn với kết cấu hạ tầng); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên cho thuê để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của tài sản; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp hoặc thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản (bao gồm cả khoản tiền nộp bổ sung theo quy định tại điểm l khoản 7 Điều này) đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên thuê quyền khai thác chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức nộp phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc khai thác tài sản nhận thuê quyền khai thác kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định, gửi Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản; cùng Bên cho thuê giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê quyền khai thác tài sản và các trường hợp quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động hạ tầng được an toàn, thông suốt.

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

10. Cơ quan quản lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định này.

12. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê kể từ ngày kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

b) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản phải được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản.

d) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản, hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản và Bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 7 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

13. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng, Bên cho thuê có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 14 Điều này.

b) Thực hiện việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên thuê phải khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

14. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với kết cấu hạ tầng vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 7 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý hạ tầng để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này.

15. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý về tiếp nhận quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, xử lý việc hoàn trả tiền thuê khai thác đã thanh toán, tiền ký quỹ (nếu có) khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

16. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hằng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản hạ tầng để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định; trường hợp thực hiện hoàn trả thì số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý tài sản để thực hiện hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

**Điều 47. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

1. Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được xác định cụ thể trong từng hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

3. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do doanh nghiệp ở địa phương quản lý.

4. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền khai thác; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Nội dung cơ bản của dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

e) Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

g) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về hạ tầng, cơ quan quản lý hạ tầng.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản.

k) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức tham gia đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành được thực hiện dựa trên các tiêu chí:

Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc có Hợp đồng kinh tế/cam kết của bên thứ 3 về việc đủ các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của tổ chức tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

7. Ký hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả.

g) Hình thức thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Trong đó, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

h) Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng) và việc xử lý số tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh trong trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà Bên nhận chuyển nhượng chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng) thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì kết cấu hạ tầng và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện theo quy định tại điểm l khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải thực hiện nếu Bên nhận chuyển nhượng vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng.

p) Xử lý trường hợp trong thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và phụ lục hợp đồng (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

8. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

đ) Được thế chấp phần tài sản do Bên nhận chuyển nhượng đầu tư và quyền khai thác tài sản của thời gian còn lại cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

e) Được thu phí sử dụng hạ tầng, thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng hạ tầng và các dịch vụ khác có liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

9. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (bao gồm cả đất gắn với kết cấu hạ tầng); không để bị lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn bằng tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác.

c) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 9 Điều 17 Nghị định này.

10. Cơ quan quản lý hạ tầng, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Số tiền thu được từ việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định này.

12. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng:

a) Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 19 Nghị định này.

b) Bên chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 19 Nghị định này.

13. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với kết cấu hạ tầng vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Căn cứ tiến độ thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực tế việc hoàn thành dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản, thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác còn lại theo hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền chuyển nhượng quyền khai thác đã nộp cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 7 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý hạ tầng để thực hiện hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều này.

14. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều này.

**Điều 48. Giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

Giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

**Điều 49.** **Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và các trường hợp cho phép xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định này (không bao gồm các dịch vụ thuộc phạm vi tính phí, lệ phí), sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc cung cấp dịch vụ, trả nợ vốn vay, vốn huy động - nếu có và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước, doanh nghiệp quản lý tài sản nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước .

Trường hợp cần thiết, căn cứ đặc thù của từng loại/nhóm loại tài sản và tình hình thực tế, Bộ quản lý chuyên ngành (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp quản lý tài sản được sử dụng để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng.

Hằng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được từ việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 16 Nghị định này, xác định số phải nộp ngân sách nhà nước và thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên của quý sau liền kề.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản được sử dụng được thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản.

c) Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cho phép xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 3 Điều 41 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại các Điều 45, 46 và 47 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), *sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.*

b) Nội dung chi:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, đo vẽ, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định này.

d) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại các Điều 45, 46 và 47 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ các khoản chi phí tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại các Điều 45, 46 và 47 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước.

Doanh nghiệp quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước(ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý, ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

**Mục 2.3**

**XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

**Điều 50. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**

Tài sản kết cấu hạ tầng được xử lý theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 23 Nghị định này.

**Điều 51. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Việc thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phần cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thuộc địa phương quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng thu hồi được xử lý theo các hình thức quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản.

Thành phần hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này); danh mục tài sản thu hồi; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, việc xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.

**Điều 52. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng được điều chuyển trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác. Trường hợp phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thì phải đảm bảo nguyên tắc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền quyết định Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp có tài sản điều chuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), cơ quan đại diện chủ sở hữu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 24 Nghị định này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển.

**Điều 53. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý**

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.

3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng .

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã); danh mục tài sản chuyển giao; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Doanh nghiệp có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp quản lý tài sản không bàn giao hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

e) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Nghị định này.

**Điều 54. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng được thanh lý trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 27 Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ công trình, hạng mục công trình .

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình, hạng mục công trình và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6,7 và 8 Điều này.

5. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng được xử lý theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 5 Điều 27 Nghị định này.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản để sử dụng vào công tác quản lý, bảo trì: Doanh nghiệp quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí quản lý, bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác quản lý, bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí quản lý, bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí quản lý, bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển giữa địa phương và trung ương, giữa các Bộ, cơ quan trung ương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị định này.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

đ) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị định này.

9.Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng mới hoặc để bảo đảm giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà trong dự án đó có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; doanh nghiệp quản lý tài sản không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 55. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyếtđịnhxử lý đối với tài sản kết quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

Thành phần hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 28 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 28 Nghị định này.

5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng để khôi phục hoạt động an toàn, thông suốt.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 56. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) *sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.*.

2. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi

Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật khác có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì áp dụng theo các quy định đó;

Đối với các nội dung chi chưa có các căn cứ nêu trên thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

Đối với các chi phí liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được (như khấu hao tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác...) thì tập hợp và phân bổ theo tiêu chí thích hợp, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm, nhiệm vụ, công việc.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán, trình doanh nghiệp quản lý tài sản để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời hạn gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Doanh nghiệp quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm gửi hồ sơ, văn bản và tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị thanh toán chi phí xử lý tài sản (trong đó nêu rõ tổng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo dự toán chi được duyệt và bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm cấp tiền để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng .

6. *Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước* (ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý, ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản khi:

a) Đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan quản lý tài sản.

b) Hoặc đã quá thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này mà doanh nghiệp quản lý tài sản không thực hiện đề nghị thanh toán chi phí hoặc đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán chi phí; hoặc quá thời hạn đề nghị gia hạn theo văn bản đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều này mà doanh nghiệp quản lý tài sản không đề nghị thanh toán chi phí.

7. Doanh nghiệp quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

8. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản tự bù đắp từ nguồn thu của doanh nghiệp và được hạch toán vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp.

9. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi chủ tài khoản tạm giữ cấp tiền thì doanh nghiệp quản lý tài sản được ứng trước từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của doanh nghiệp.

**Mục 2.4**

**SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

**Điều 57. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư theo phương thức đối tác công tư không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống hạ tầng, quy hoạch phát triển hạ tầng và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Khi có nhu cầu sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.

Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ quản lý chuyên ngành lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của Bộ quản lý chuyên ngành về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản; nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ký kết, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho nhà đầu tư; theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 58. Trách nhiệm thi hành**

1. Trong thời gian pháp luật chuyên ngành chưa có quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng phù hợp và đồng bộ với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng áp dụng quy định tại Nghị định này.

2. Trong thời gian thực hiện thủ tục phê duyệt phương án giao quản lý tài sản và thực hiện phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về hạ tầng và pháp luật có liên quan, bảo đảm hoạt động hạ tầng thông suốt, an toàn.

3. Trách nhiệm của Bộ quản lý chuyên ngành:

a) Giao cho các cơ quan chuyên môn về hạ tầng ở trung ương để thực hiện nhiệm vụ quy định tại Nghị định này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả tài sản đang giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo chế độ về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị định này, tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà Bộ quản lý chuyên ngành có nhu cầu chuyển sang thực hiện theo quy định tại Nghị định này để thực hiện cho phù hợp)đểphục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản;

c) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Quy định chế độ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng;

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng .

c) Phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

d) Phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và hướng dẫn việc tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Giao cho các cơ quan chuyên môn về hạ tầng ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ quy định tại Nghị định này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả tài sản đang giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo chế độ về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị định này, tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà Bộ quản lý chuyên ngành có nhu cầu chuyển sang thực hiện theo quy định tại Nghị định này để thực hiện cho phù hợp)đểphục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản;

c) Chỉ đạo, rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi địa phương quản lý theo quy định này và pháp luật có liên quan;

đ) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi địa phương quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

4. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ quản lý chuyên ngành và Bộ Tài chính trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này.

5. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định; các cơ quan khác lưu bản sao.

**Điều 59. Xử lý chuyển tiếp**

1. Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát và giao tài sản theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đối với tài sản kết cấu hạ tầng hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định này đã giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp quản lý, sử dụng theo chế độ về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thì tiếp tục thực hiện theo chế độ quy định; trường hợp chuyển sang thực hiện theo quy định tại Nghị định này để đảm bảo hiệu quả hơn thì phải được Bộ quản lý chuyên ngành bổ sung vào danh mục tài sản kết cấu hạ tầng được công bố theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển như sau:

a) Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành quyết định chuyển việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (tương ứng với loại hạ tầng được giao quản lý nhà nước) từ chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp sang thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

b) Trình tự, thủ tục

b1) Khi có nhu cầu chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị của các cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển; lý do chuyển (trong đó thuyết minh về sự phù hợp của việc chuyển sang áp dụng chế độ quy định tại Nghị định): bản chính;

- Hồ sơ khác có liên quan: bản sao.

b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này xem xét, quyết định việc chuyển sang áp dụng chế độ quy định tại Nghị định hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển sang áp dụng chế độ quy định tại Nghị định này gồm:

- Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản được chuyển sang áp dụng chế độ quy định tại Nghị định;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển; lý do chuyển (trong đó thuyết minh về sự phù hợp của việc chuyển sang áp dụng chế độ quy định tại Nghị định): bản chính;

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đã có quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng nhưng chưa đầy đủ so với Nghị định này, Bộ quản lý chuyên ngành quyết định áp dụng việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Giao Bộ quản lý chuyên ngành căn cứ quy định tại Nghị định này để hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong thời gian Chính phủ chưa ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

4. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ký kết kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ký; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 60. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ….. tháng ….. năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Uỷ ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách Xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: Văn thư, KTTH. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |

1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật Tổ chức địa phương sửa đổi (năm 2025) [↑](#footnote-ref-2)
2. Trừ đối tượng là Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được loại trừ tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định này [↑](#footnote-ref-3)
3. Khoản 8 Điều 1 Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công [↑](#footnote-ref-4)
4. Nhiệm vụ giao tại điểm a mục 3 Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Phó TTCP Trần Hồng Hà tại Công văn số 9299/VPCP-CN ngày 18/12/2024. [↑](#footnote-ref-5)
5. Nhiệm vụ giao tại điểm b mục 3 Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-6)
6. Nhiệm vụ giao tại điểm b mục 3 Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-7)
7. Như: Đê điều, điểm du lịch, di tích lịch sử, di tích văn hóa…. [↑](#footnote-ref-8)
8. Điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ [↑](#footnote-ref-9)
9. Điều 41 Luật Thủ đô năm 2024: Quy định ký hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý với nhà đầu tư, doanh nghiệp để khai thác công trình, hạng mục công trình hạ tầng trong một thời gian nhất định. [↑](#footnote-ref-10)
10. Quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về công nghệ cao. [↑](#footnote-ref-11)
11. Quy định tại Điều 4 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-12)
12. Quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 6 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-13)
13. Quy định tại Điều 26 Luật Di sản văn hóa năm 2024. [↑](#footnote-ref-14)
14. Khoản 5 Điều 7 Luật Đề điều năm 2006 (được sửa đổi bởi Điềm a Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều sửa đổi 2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2021) [↑](#footnote-ref-15)
15. Đối với hình thức bán, do Nghị định quy định chung cho các loại TSKCHT nên sẽ có loại TSKCHT do tính chất đặc thù nên không được áp dụng hình thức bán hoặc có quy định về các điều kiện được bán *(Ví dụ: Không thực hiện bán TSKCHT liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, tài sản được xếp hạng/công nhận cấp quốc gia đặc biệt/cấp quốc gia, tài sản là di vật, bảo vật, cổ vật quý hiếm và tài sản thuộc trường hợp không được bán theo quy định của pháp luật về hạ tầng chuyên ngành).* [↑](#footnote-ref-16)
16. Bộ quản lý chuyên ngành là cơ quan quản lý nhà nước về hạ tầng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. [↑](#footnote-ref-17)
17. Là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước) hoặc là cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản (đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) [↑](#footnote-ref-18)
18. Tiếp tục rà soát chính sách xem còn thẩm quyền nào khác không. [↑](#footnote-ref-19)